

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ngày: 2026/NĐ/01



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
2. **Địa chỉ:** Thôn 38, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Bùi Văn Khoan - Địa chỉ: Xóm 9, thôn Ngọc Liên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Bùi Văn Hưng - Địa chỉ: Xóm 8, thôn Ngọc Liên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình

5. **Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
6. **Ngày lấy mẫu:** 05/3/2026
7. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
8. **Thời gian thử nghiệm:** 05/3/2026 đến 16/3/2026
9. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,84	7,91	7,91	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,18	0,93	0,38	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,62	0,37	0,36	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,45	1,45	1,45	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,14	1,14	1,06	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	10,0	10,7	8,89	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100	103	104	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,75	8,75	9,11	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	KPH	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	116	116	115	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/01



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** Thôn 38, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Bùi Văn Khoan - Địa chỉ: Xóm 9, thôn Ngọc Liên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Bùi Văn Hưng - Địa chỉ: Xóm 8, thôn Ngọc Liên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 05/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 05/3/2026 đến 07/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/02



VILAS 1228

1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
2. Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của chi nhánh cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Hiệp - Địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đỗ Thị Yêu - Địa chỉ: Xóm Ngưỡng Nhân, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Nguyễn Thị Thúy - Địa chỉ: Xóm Thủy Thành, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 05/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
8. Thời gian thử nghiệm: 05/3/2026 đến 16/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
I	Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	9,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,78	7,84	7,93	7,73	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,73	1,19	0,93	1,17	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,88	0,37	0,63	0,67	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,29	1,29	1,45	1,45	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B									
9	Nitrit (NO ₂ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,907	0,976	1,10	1,08	Đạt
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	10,1	8,99	10,0	10,2	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100	100	104	104	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,6	10,6	10,6	10,6	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	KPH	< 0,04	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	< 0,05	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F* .D.2023	0,263	< 0,2	< 0,2	0,263	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	117	119	116	121	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/02

1. Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
2. Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Hiệp - Địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đỗ Thị Yêu - Địa chỉ: Xóm Ngưỡng Nhân, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Nguyễn Thị Thúy - Địa chỉ: Xóm Thủy Thành, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 0,5 Lit/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 05/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
8. Thời gian thử nghiệm: 05/3/2026 đến 07/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thắm



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ng: 2026/NĐ/03



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Thôn 27, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Lạng - Địa chỉ: Thôn 17, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Tống Xuân Vọng - Địa chỉ: Thôn 32, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 05/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 05/3/2026 đến 16/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	KPH	< 5,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,67	7,77	7,88	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,52	0,85	0,90	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,60	0,44	0,74	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,94	1,13	1,45	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,553	0,958	1,19	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	36,7	11,3	12,4	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100	100	112	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	20,4	20,4	21,1	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,269	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	130	134	142	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/03



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Tân
2. Địa chỉ: Thôn 27, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Lạng - Địa chỉ: Thôn 17, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Tổng Xuân Vọng - Địa chỉ: Thôn 32, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 05/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
8. Thời gian thử nghiệm: 05/3/2026 đến 07/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/03



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Thôn 27, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Lạng - Địa chỉ: Thôn 17, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Tống Xuân Vọng - Địa chỉ: Thôn 32, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 05/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 05/3/2026 đến 07/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trịnh Huy Đồng - Địa chỉ: Xóm Trung Thành, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Xuân Be - Địa chỉ: Xóm Giang, thôn Giang Đậu, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 03/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 03/3/2026 đến 16/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,74	7,81	7,86	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,36	0,45	0,44	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,75	0,35	0,28	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,13	1,13	1,13	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,891	0,993	1,22	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	12,0	11,7	14,6	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	91,0	94,0	102	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,2	10,2	10,2	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	121	119	118	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/04



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trịnh Huy Đồng - Địa chỉ: Xóm Trung Thành, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Xuân Be - Địa chỉ: Xóm Giang, thôn Giang Đậu, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

5. Ngày lấy mẫu: 03/3/2026

6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải

7. Thời gian thử nghiệm: 03/3/2026 đến 06/3/2026

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	≤ 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ng: 2026/NĐ/05



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
2. **Địa chỉ:** Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Văn Hùng - Địa chỉ: Thôn Phượng, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Đoàn Văn Trọng - Địa chỉ: Xóm 7, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
5. **Lượng mẫu:** 3,5 lít/mẫu
6. **Ngày lấy mẫu:** 03/3/2026
7. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
8. **Thời gian thử nghiệm:** 03/3/2026 đến 16/3/2026
9. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,85	7,87	7,94	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,21	0,25	0,23	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,56	0,79	0,46	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,29	0,970	0,970	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,802	0,977	1,20	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	11,8	10,9	12,3	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	99,0	104	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	9,11	9,48	9,48	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	KPH	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	0,263	0,211	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	120	122	121	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/05



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Hùng - Địa chỉ: Thôn Phụng, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đoàn Văn Trọng - Địa chỉ: Xóm 7, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 03/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 03/3/2026 đến 06/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ngày: 2026/NĐ/06



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Thôn 2 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Tuyền - Địa chỉ: Thôn 10 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Hồng Việt - Địa chỉ: Thôn Nam Phú, thị trấn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/3/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/3/2026 đến 16/3/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,66	7,79	7,86	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,20	0,21	0,31	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,54	0,52	0,45	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,62	1,62	1,62	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,05	1,27	1,62	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	13,6	11,6	12,3	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	98,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	13,9	14,2	14,2	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	KPH	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,246	< 0,2	0,269	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	126	123	124	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/06



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Xóm 2, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Văn Tuyền - Địa chỉ: Thôn 10 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Hồng Việt - Địa chỉ: Thôn Nam Phú, thị trấn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/3/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/3/2026 đến 06/3/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/07



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quý Nhất
- Địa chỉ:** Tổ dân phố 9, xã Quý Nhất, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Bùi Văn Giang - Địa chỉ: Xóm An Ninh Tây, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Sơn - Địa chỉ: Xóm 1, Phú Thọ, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 03/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 03/3/2026 đến 16/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,90	7,90	7,93	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,19	0,48	0,61	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,87	0,56	0,53	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,62	1,94	1,94	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	< 0,006	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,756	0,957	0,602	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	23,2	28,5	27,2	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	162	160	160	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	122	125	125	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	0,074	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	0,337	0,251	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	308	345	345	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/07



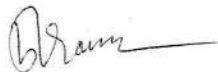
- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỹ Nhất
- Địa chỉ:** TDP 9, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Bùi Văn Giang - Địa chỉ: Xóm An Ninh Tây, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Sơn - Địa chỉ: Xóm 1, Phú Thọ, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình
- Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 03/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 03/3/2026 đến 06/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/08



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
2. **Địa chỉ:** Tổ dân phố 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Ngọc Chinh - Địa chỉ: Thôn 8 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đào Việt Bắc - Địa chỉ: Thôn 3 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

5. **Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
6. **Ngày lấy mẫu:** 05/3/2026
7. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
8. **Thời gian thử nghiệm:** 05/3/2026 đến 16/3/2026
9. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,71	7,71	7,68	Đạt
4	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
5	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,15	0,26	0,28	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,82	0,74	0,65	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	1,29	1,13	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,19	1,02	0,845	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	7,27	8,23	7,93	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	120	117	119	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	19,7	19,7	19,7	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	KPH	0,051	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,366	0,246	0,269	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	229	226	230	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/08



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** Tổ dân phố 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Ngọc Chinh - Địa chỉ: Thôn 8 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đào Việt Bắc - Địa chỉ: Thôn 3 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 05/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 05/3/2026 đến 07/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC


Trần Thị Thắm




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/09

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Thị Phi - Địa chỉ: Xóm 6, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Minh Đức - Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 05/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 05/3/2026 đến 16/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,68	7,80	7,73	Đạt
4	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
5	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,04	0,15	0,26	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,60	0,40	0,42	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,970	1,62	1,45	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,03	1,14	1,03	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	99,0	100	102	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	31,4	31,4	31,4	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	KPH	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,326	0,234	0,246	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	231	229	231	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/09

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



VILAS 1228

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Thị Phi - Địa chỉ: Xóm 6, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Minh Đức - Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 05/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 05/3/2026 đến 07/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC





**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/10



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Thôn Trung Phu, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Hoàng Văn Nam - Địa chỉ: Xóm Minh Tiên, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phạm Văn Hùng - Địa chỉ: Xóm Vụ Nữ, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
- Lượng mẫu:** 3,5 Lit/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 03/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 03/3/2026 đến 16/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,97	7,88	7,94	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,37	0,66	0,36	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,71	0,81	0,65	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,970	1,45	1,29	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,995	1,22	1,21	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	12,7	15,4	13,6	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100	102	105	Đạt
13	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,9	10,9	10,9	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	KPH	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,246	0,274	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	124	128	123	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Liên Bảo
2. Địa chỉ: thôn Trung Phú, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Hoàng Văn Nam - Địa chỉ: Xóm Minh Tiên, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phạm Văn Hùng - Địa chỉ: Xóm Vụ Nữ, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 03/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
8. Thời gian thử nghiệm: 03/3/2026 đến 06/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

Số/Ng: 2026/NĐ/10



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Mỹ Lộc
2. Địa chỉ: Thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Xuân Thắng - Địa chỉ: Tổ dân phố La Đồng, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Văn Thành - Địa chỉ: Tổ dân phố Thọ, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu
6. Ngày lấy mẫu: 04/3/2026
7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
8. Thời gian thử nghiệm: 04/3/2026 đến 16/3/2026
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,63	7,83	7,84	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,41	0,32	0,24	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,98	0,25	0,21	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,13	1,29	1,29	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	< 0,006	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,27	1,30	1,05	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	9,82	10,1	9,12	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	104	113	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,2	10,2	10,2	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	0,043	0,068	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	116	117	112	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Signature)

Nguyễn Thị Ân



(Signature)
PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Xuân Thắng - Địa chỉ: Tổ dân phố La Đồng, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Văn Thành - Địa chỉ: Tổ dân phố Thọ, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
- Lượng mẫu:** 0,5 Lit/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 04/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 04/3/2026 đến 06/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

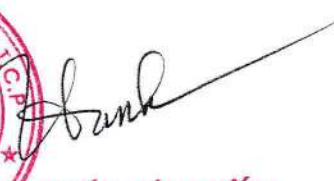
KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/12

1. **Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Lộc

2. **Địa chỉ:** Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình

3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đỗ Văn Đăng - Địa chỉ: Thôn Đọ Xá, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đỗ Duy Hà - Địa chỉ: Thôn Nhân Nghĩa, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình

5. **Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu

6. **Ngày lấy mẫu:** 04/3/2026

7. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm

8. **Thời gian thử nghiệm:** 04/3/2026 đến 16/3/2026

9. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,86	7,84	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,42	0,43	0,35	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,36	0,27	0,34	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,94	1,94	1,94	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	< 0,006	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	2,13	1,62	1,69	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	17,4	15,2	15,1	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	104	104	107	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	16,8	16,4	16,4	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,246	0,286	0,234	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	143	136	135	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/12



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đỗ Văn Đăng - Địa chỉ: Thôn Độ Xá, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đỗ Duy Hà - Địa chỉ: Thôn Nhân Nghĩa, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 04/3/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 04/3/2026 đến 06/3/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/13

1. **Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Quang

2. **Địa chỉ:** Thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình

3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Trọng Viên - Địa chỉ: Thôn Nhất, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Lanh - Địa chỉ: Thôn An Châu, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình

5. **Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu

6. **Ngày lấy mẫu:** 04/3/2026

7. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm

8. **Thời gian thử nghiệm:** 04/3/2026 đến 16/3/2026

9. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	13,0	9,0	11,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,71	7,50	7,57	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,46	0,45	0,45	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,49	0,21	0,21	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,94	1,78	1,94	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	0,329	0,873	0,434	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	0,008	0,033	0,101	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	4,63	4,43	3,95	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	28,6	29,9	29,3	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	140	138	140	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	55,4	55,4	55,4	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	KPH	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	KPH	< 0,05	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,286	0,394	0,428	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	242	239	233	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/13

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Trọng Viên - Địa chỉ: Thôn Nhất, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Lanh - Địa chỉ: Thôn An Châu, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 04/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 04/3/2026 đến 06/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/14

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



VILAS 1228

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Ngọc Chính - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đoàn Thế Cơ - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 03/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 03/3/2026 đến 16/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	10,0	10,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,81	7,94	7,91	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,68	0,62	0,70	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,32	0,64	0,45	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,13	1,45	1,29	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,20	1,14	1,13	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	10,4	10,8	11,3	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	97,0	102	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	7,66	7,66	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	< 0,05	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,280	0,217	0,240	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	117	116	119	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/14



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Ngọc Chính - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đoàn Thế Cơ - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 03/3/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 03/3/2026 đến 06/3/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	≤ 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thắm



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

Số/No:.....26/TN5/0498-01;02;03

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Mỹ Lộc.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 04/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 04/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M01)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Trần Xuân Thắng - Địa chỉ: Tổ dân phố La Đồng, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M02)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Trần Văn Thành - Địa chỉ: Tổ dân phố Thọ, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M03)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-04;05;06

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Liên Bảo.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 03/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 03/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M04)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Hoàng Văn Nam - Địa chỉ: Xóm Minh Tiên, xã Hiến Khánh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M05)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Phạm Văn Hùng - Địa chỉ: Xóm Vụ Nữ, xã Hiến Khánh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M06)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-07;08;09

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Đại Thắng.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 03/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 03/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M07)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Vũ Ngọc Chính - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M08)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Đoàn Thế Cơ - Địa chỉ: Thôn Hòa Tiên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M09)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm kỹ thuật.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-10;11;12

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Trạm cấp nước Yên Lộc.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 04/03/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 04/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
- Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M10)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Đỗ Văn Đăng - Địa chỉ: Thôn Đạo Xá, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M11)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Đỗ Duy Hà - Địa chỉ: Thôn Nhân Nghĩa, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M12)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

15 GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Dạng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-13;14;15

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Trạm cấp nước Yên Quang.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 04/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 04/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M13)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Vũ Trọng Viên - Địa chỉ: Thôn Nhất, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M14)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Lanh - Địa chỉ: Thôn An Châu, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M15)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-16;17;18

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Nghĩa An.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 03/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 03/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M16)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)*
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Trịnh Huy Đồng - Địa chỉ: Xóm Trung Thành, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M17)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Xuân Be - Địa chỉ: Xóm Giang, thôn Giang Đậu, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M18)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

14 GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-19;20;21

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Nam Dương.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 03/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 03/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M19)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Hùng - Địa chỉ: Thôn Phương, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M20)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Đoàn Văn Trọng - Địa chỉ: Xóm 7, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M21)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-22;23;24

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Nghĩa Hưng.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 03/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 03/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M22)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Tuyền - Địa chỉ: Thôn 10 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M23)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Hồng Việt - Địa chỉ: Thôn Nam Phú, thị trấn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M24)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-25;26;27

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Quý Nhất.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 03/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 03/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M25)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Bùi Văn Giang - Địa chỉ: Xóm An Ninh Tây, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M26)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Sơn - Địa chỉ: Xóm 1, Phú Thọ, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M27)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Hùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-28;29;30

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Hải Toàn.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 05/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 05/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M28)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Thị Phi - Địa chỉ: Xóm 6, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M29)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Vũ Minh Đức - Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M30)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-31;32;33

Trang/Page:.....1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Yên Định.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 05/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 05/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M31)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Phạm Ngọc Chinh - Địa chỉ: Thôn 8 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M32)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Đào Việt Bắc - Địa chỉ: Thôn 3 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M33)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-34;35;36;37

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Chi nhánh cấp nước Giao Thủy.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 05/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 05/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M34)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Trần Văn Hiệp - Địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M35)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – điểm trung gian trên mạng lưới cấp nước (Đỗ Thị Yêu - Địa chỉ: Xóm Ngưỡng Nhân, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M36)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
IV.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Thị Thúy - Địa chỉ: Xóm Thủy Thành, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M37)				
IV.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-38;39;40

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Xuân Tân.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 05/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 05/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M38)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Trần Văn Lạng - Địa chỉ: Thôn 17, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M39)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Tống Xuân Vọng - Địa chỉ: Thôn 32, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M40)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0498-41;42;43

Trang/Page:.....1/1.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Xuân Trường.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 05/03/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 05/03/2026 đến ngày 16/03/2026.
6. Ngày hoàn thành: 16/03/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0498-M41)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)*
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Bùi Văn Khoan - Địa chỉ: Xóm 9, thôn Ngọc Liên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M42)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Bùi Văn Hưng - Địa chỉ: Xóm 8, thôn Ngọc Liên, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0498-M43)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.